

Số: 75/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình
hành động số 28-CTr/TU ngày 07/9/2012 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012) “Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”;

Căn cứ Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 07/9/2012 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 67/SKHĐT-TH ngày 18/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 07/9/2012 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: C, PVP, các phòng N/c, CB
- Lưu: VT, CNXD. (tsáng.73)



Cao Khoa

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU
ngày 07/9/2012 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ-UBND, ngày 1/3/2013 của
UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 07/9/2012 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động trên với những nội dung chủ yếu sau:

A. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 07/9/2012 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”.

2. Yêu cầu

- Thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nhiệm vụ của từng đơn vị liên quan trong xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 07/9/2012 của Tỉnh ủy.

- Cơ sở để xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm và 5 năm hợp lý nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trên cơ sở cân đối nguồn lực, khai thác sử dụng có hiệu quả các công trình đầu tư.

B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Về phát triển hạ tầng giao thông

1.1. Về bến cảng, sân bay, đường sắt:

- Hoàn thành đưa vào sử dụng dự án nâng cấp mở rộng cảng Sa Kỳ; tiếp tục đề xuất với các Bộ, ngành Trung ương hỗ trợ vốn từ Ngân sách Trung ương để thực hiện đầu tư xây dựng cảng Bến Đình hoàn thành trước năm 2015, đáp ứng neo đậu đồng thời 01 tàu có trọng tải 1.000DWT, 01 tàu có trọng tải 600DWT và 01 tàu khách 300 ghé.

- Phối hợp chặt chẽ với tỉnh Quảng Nam đề nghị Trung ương đầu tư nâng cấp sân bay Chu Lai.

- Đề nghị Trung ương đầu tư nâng cấp, mở rộng đường sắt qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy hoạch.

1.2. Về đường bộ

- Đối với các tuyến Quốc lộ

Hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đường cao tốc Quảng Ngãi – Đà Nẵng trong năm 2013 để giao mặt bằng triển khai thi công; triển khai bồi thường mở rộng Quốc lộ 1A khi được Trung ương giao.

Phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải thực hiện đầu tư nâng cấp các đường quốc lộ theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Đối với các đường tỉnh

+ Giai đoạn 2013 - 2015:

Dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn I (đoạn Dung Quất – Trà Khúc), cùng với vốn trái phiếu Chính phủ và tranh thủ các nguồn vốn khác như nguồn vượt thu ngân sách Trung ương, nguồn thu nhà máy lọc dầu Dung Quất để đầu tư hoàn thành 29km của giai đoạn 1, trước mắt tập trung hoàn thành đoạn Mỹ Khê – Trà Khúc (12km).

Nâng cấp đường 623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham) giai đoạn 1: Khẩn trương thi công để đảm bảo hoàn thành dự án vào năm 2015.

Tuyến ĐT.623 (Sơn Hà - Sơn Tây): Khôi phục nền, mặt đường bằng bê tông xi măng đảm bảo khai thác an toàn.

Đường bờ Nam sông Trà Khúc: khởi công vào đầu năm 2013, phấn đấu hoàn thành dự án trong năm 2015.

Hoàn chỉnh thủ tục và tranh thủ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ từ nguồn thu nhà máy lọc dầu Dung Quất để khởi công đường Tịnh Phong - Cảng Dung Quất II (giai đoạn I). Tích cực vận động vốn ODA để thực hiện tuyến đường 625 giai đoạn 1 (quốc lộ 24 - Minh Long).

+ Giai đoạn 2016 - 2020:

Tiếp tục vận động các nguồn vốn mà chủ yếu là nguồn thu từ Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đầu tư hoàn thành các dự án dở dang như đường Tịnh Phong - Cảng Dung Quất II, đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn II; nâng cấp đường 624 (Quảng Ngãi - Minh Long). Cơ bản hoàn thiện các tuyến đường kết nối với các trục đường chính trong Khu kinh tế Dung Quất.

Đề nghị Trung ương hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng cầu Cửa Đại, đường Trì Bình – cảng Dung Quất.

Sử dụng vốn Ngân sách tỉnh, vốn Chương trình phát triển vùng và vốn ODA để nâng cấp, mở rộng các tuyến đường 623B giai đoạn 2, 624B (Quán Lát - Đá Chát), 624C (quốc lộ 24 - Đồng Cát), 621 (Châu Ổ - Sa Kỳ), 628 (quốc lộ 1A - Chợ Chùa - Thanh An), 622B (quốc lộ 1A - Trà Phong), 625 giai đoạn 2 (Minh Long - Sơn Kỳ).

- Các đường huyện

+ Giai đoạn 2013 - 2015: nhựa hóa, cứng hóa đạt 65%, ưu tiên các tuyến đường từ trung tâm huyện đến trung tâm các xã, đặc biệt là xã thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới.

+ Giai đoạn 2016 - 2020: nhựa hóa, cứng hóa đạt 80%, trong đó có 100% các tuyến đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã; nâng cấp một số đường huyện kết nối với các đường quốc lộ 1A, đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

- *Các đường xã*: Tập trung đầu tư đường xã theo Đề án phát triển giao thông nông thôn, trong đó chú trọng tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông vào các xã đạt tiêu chí nông thôn mới đến năm 2015.

+ Phần đầu giai đoạn 2013 - 2015 nhựa hóa, cứng hóa đạt 55%.

+ Phần đầu giai đoạn 2016 - 2020 nhựa hóa, cứng hóa đạt 70%.

1.3. Về đường thủy

- Giai đoạn 2013 - 2015: Tổ chức khai thác tốt tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, gắn với việc đầu tư xây dựng đồng bộ cảng Sa Kỳ và cảng Bến Đình; đưa vào khai thác vận tải tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé, trong đó chú trọng xây dựng bến cập tàu ở Đảo Bé.

- Giai đoạn 2016 - 2020: tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống đường thủy nội địa và công trình bến cập tàu theo đúng quy hoạch được phê duyệt, trong đó ưu tiên đầu tư tuyến sông Kinh Giang phục vụ cho khai thác du lịch.

1.4. Hạ tầng bến xe

Đầu tư xây dựng hoàn thành dự án Khu liên hợp Bến xe Quảng Ngãi (bến xe trung tâm của tỉnh) trước năm 2015; đến năm 2020, phần đầu xây dựng các bến hoặc bãi đỗ xe tại huyện kết hợp với điểm cuối của các tuyến xe buýt.

2. Về phát triển hạ tầng đô thị

- Giai đoạn 2013 - 2015:

Cùng với việc đầu tư các tuyến đường giao thông quan trọng mở rộng phát triển đô thị như tuyến Mỹ Trà – Mỹ Khê, tuyến đường Bờ Nam sông Trà Khúc, đường Tịnh Phong – cảng Dung Quất II, ... cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành các dự án dở dang trong nội thị hiện có như các tuyến đường 623B (Quảng Ngãi – Thạch Nham), đường Nguyễn Trãi (giai đoạn 2), đường Nguyễn Tự Tân, Phan Đình Phùng nối dài, các tuyến đường trung tâm thị trấn Đức Phổ. Tiếp tục triển khai các dự án mới như đường Chu Văn An (giai đoạn 2), đường Ngô Sĩ Liên, đường QL 1A- Mỹ Á – KCN Phố Phong, đường Nguyễn Công Phương (giai đoạn 2)... Đồng thời lập danh mục và thủ tục để triển khai các dự án quan trọng khác trên cơ sở cân đối nguồn lực; đẩy nhanh tiến độ khu dân cư đang thực hiện và triển khai các khu dân cư mới để tạo quỹ đất ở đô thị và tăng nguồn thu ngân sách để đầu tư hạ tầng đô thị cùng với đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất và xây dựng các tuyến đường trung tâm các

đô thị trong KKT Dung Quất, các công trình hạ tầng dịch vụ bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn của doanh nghiệp; triển khai thủ tục để từng bước hình thành và xây dựng thị trấn Sơn Tịnh (mới). Đối với đô thị thị trấn Di Lăng và trung tâm các huyện còn lại tranh thủ các nguồn vốn để tiếp tục đầu tư mà chủ yếu là vốn ngân sách tỉnh, vốn hỗ trợ có mục tiêu ngân sách Trung ương và vốn thu từ quỹ đất.

Hoàn chỉnh thủ tục và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án khu đô thị dọc tuyến đường Mỹ Trà - Mỹ Khê; thu hút các dự án đầu tư khu đô thị dọc đường bờ nam sông Trà Khúc góp phần xây dựng hạ tầng, phát triển đô thị để mở rộng thành phố Quảng Ngãi theo quy hoạch. Xây dựng hạ tầng đô thị Vạn Tường gắn với xây dựng chính quyền đô thị Vạn Tường, xây dựng hạ tầng khung đô thị Dốc Sỏi, hạ tầng Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP) để tạo chuỗi đô thị kết nối thành phố Quảng Ngãi và Khu kinh tế Dung Quất.

Phát triển nhanh dịch vụ vận tải hành khách công cộng trong thành phố Quảng Ngãi, giữa đô thị với đô thị và giữa các đô thị với Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Về cấp thoát nước, khẩn trương thi công hoàn thành dự án thoát nước Hào Thành; tiếp tục vận động vốn vay ADB để đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Quảng Ngãi theo quy hoạch thành phố mở rộng, bao gồm việc cung cấp nước cho KCN Tịnh Phong; Khu công nghiệp VSIP giai đoạn 1.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

Tập trung xây dựng thành phố Quảng Ngãi (mở rộng) đạt tiêu chí của đô thị loại II; đô thị Vạn Tường đạt tiêu chuẩn loại IV và là đô thị trung tâm của Khu kinh tế Dung Quất; đô thị Dốc Sỏi đạt tiêu chuẩn loại V, đô thị Châu Ổ đạt tiêu chuẩn loại IV; đô thị Di Lăng đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV, đô thị Đức Phổ hoàn thiện đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại IV. Phần đầu hoàn thiện tiêu chuẩn đô thị loại V đối với thị trấn Sông Vệ, thị trấn Sơn Tịnh (mới), đô thị Thạch Trụ, đô thị Nam Sông Vệ, thị trấn Sơn Tây, Tây Trà, Minh Long, Lý Sơn.

Hoàn thiện hạ tầng giao thông vận tải trong các đô thị theo hướng từng bước hiện đại, đồng bộ, bền vững gắn với phát triển dịch vụ vận tải hành khách công cộng trong các đô thị bảo đảm phục vụ nhu cầu của nhân dân. Tiếp tục đầu tư hệ thống cấp nước đáp ứng được nhu cầu thành phố Quảng Ngãi mở rộng, Khu kinh tế Dung Quất mở rộng và Khu công nghiệp VSIP bằng vốn vay ODA và vốn doanh nghiệp.

3. Về phát triển hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp của tỉnh và các cụm công nghiệp

- Giai đoạn 2013 - 2015:

+ Hạ tầng KKT Dung Quất:

Đẩy nhanh tiến độ và thực hiện hoàn thành các dự án đã được bố trí vốn như nâng cấp đường Dốc Sỏi - Nhà máy đóng tàu Dung Quất, đường Võ Văn Kiệt (giai đoạn 2), xây dựng hệ thống thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải KCN phía Đông; đồng thời tiếp tục làm việc với Trung ương đề nghị bố trí vốn từ nguồn thu Nhà máy lọc dầu Dung Quất để đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng cảng Dung Quất I tại Khu kinh tế Dung Quất hiện hữu và triển khai các tuyến đường trung tâm còn lại như tuyến Dốc Sỏi - phía nam sân bay Chu Lai, đường nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường, đường trục nối Ngã ba Thành phố Vạn Tường đến KCN nặng Dung Quất II; cầu Trà Bồng phục vụ phát triển Khu kinh tế Dung Quất; thực hiện bồi thường để đầu tư dự án đường Trì Bình - cảng Dung Quất.

Chuẩn bị thủ tục để đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đối nội và đối ngoại, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, hạ tầng cảng Dung Quất II tại Khu kinh tế Dung Quất mở rộng; ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình xã hội, các khu tái định cư, các khu dân cư mới và các dự án, chương trình hỗ trợ tái định cư để giải quyết an sinh xã hội, trồng rừng môi trường cảnh quan Khu kinh tế Dung Quất; đầu tư mở rộng nghĩa địa Bình Hoà, Bình Trị, Bình Đông. Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện, cấp nước; hệ thống thông tin và viễn thông phục vụ yêu cầu phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

+ Hạ tầng các Khu công nghiệp tỉnh:

Bằng nguồn vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn Ngân sách tỉnh tiếp tục đầu tư các hạng mục còn lại của hạ tầng KCN Quảng Phú và hạ tầng KCN Tịnh Phong; hoàn thành dự án đường vào KCN Phổ Phong và triển khai thực hiện dự án đường số 1 KCN Phổ Phong.

+ Hạ tầng các cụm công nghiệp:

Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp có nhiều dự án đang hoạt động sản xuất như cụm công nghiệp ở các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ bằng nguồn vốn ngân sách huyện và ngân sách tỉnh hỗ trợ. Đồng thời quy hoạch mở rộng một số cụm công nghiệp hoạt động có hiệu quả và có điều kiện phát triển thuận lợi.

- *Giai đoạn 2016 - 2020:*

+ Hạ tầng KKT Dung Quất:

Tập trung đầu tư các tuyến giao thông đối ngoại để hình thành hành lang liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất với thành phố Quảng Ngãi, Khu kinh tế mở Chu Lai và các trung tâm phát triển lớn của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Phát triển không gian các khu công nghiệp (KCN) bao gồm: phía Bắc là KCN Tây Dung Quất và KCN Đông Dung Quất thuộc Khu kinh tế hiện hữu gắn liền với cảng Dung Quất I và sân bay Chu Lai cùng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi có quy mô khoảng 3.225 ha; phía Đông Nam là KCN Dung Quất II gắn với cảng nước sâu Dung Quất II có quy mô khoảng 3.500 ha; phía Tây là Khu công nghiệp Bình Hòa - Bình Phước (1.488 ha), Khu

công nghiệp Tịnh Phong (khoảng 141 ha) và Khu liên hợp Đô thị - Công nghiệp - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi (khoảng 1.229ha).

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải khu đô thị Vạn Tường, đô thị Dốc Sỏi, Khu công nghiệp phía đông và phía Tây, hạ tầng cảng Dung Quất I tại Khu kinh tế Dung Quất hiện hữu.

Cơ bản hoàn thiện hệ thống giao thông đối nội và đối ngoại, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải khu đô thị dốc Sỏi, khu đô thị Sa Kỳ, Khu công nghiệp Dung Quất II, đầu tư khu xử lý chất thải rắn tập trung và chất thải nguy hại, Đê chắn sóng và hạ tầng cảng Dung Quất II khi xuất hiện các dự án quy mô lớn tại Khu kinh tế Dung Quất mở rộng.

Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện, cấp nước; hệ thống thông tin và viễn thông phục vụ yêu cầu phát triển Khu kinh tế Dung Quất theo quy hoạch mở rộng.

+ Hạ tầng các Khu công nghiệp tỉnh:

Đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội các khu công nghiệp bảo đảm yêu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt, đặc biệt là các công trình về xử lý rác thải, chất thải trong khu công nghiệp.

+ Hạ tầng các cụm công nghiệp:

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp, đồng thời quy hoạch mới có chọn lọc một số cụm công nghiệp.

4. Về phát triển hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Giai đoạn 2013 - 2015:

Bằng nguồn vốn Ngân sách tỉnh, vốn hỗ trợ có mục tiêu Ngân sách Trung ương và vốn ODA đầu tư cải tạo, nâng cấp 13 hồ chứa nước và các công trình thủy lợi hiện có gắn với hiện đại hóa thiết bị vận hành để phát huy công suất thiết kế và nâng cao hiệu quả khai thác; xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ, đồng thời tận dụng hệ thống hồ thủy điện để giải quyết nước cho sản xuất, sinh hoạt vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục đầu tư hệ thống thủy lợi Thạch Nham từ đầu mối đến mặt ruộng để đảm bảo phát huy hết năng lực thiết kế của công trình.

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm hoàn thành các công trình dự án Hồ chứa nước Nước Trong; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình thủy lợi từ nguồn vốn ODA, dự án Tiêu úng thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa; triển khai thực hiện dự án đập ngăn mặn sông Trà Bồng.

Lập danh mục đề nghị Trung ương hỗ trợ vốn đầu tư thuộc Chương trình biến đổi khí hậu, chủ yếu là các dự án kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển cùng với chương trình nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất; đầu tư đồng bộ hệ thống thông tin

chuyên ngành thủy sản, trọng tâm là quản lý tàu thuyền để phục vụ cứu hộ, cứu nạn trên biển.

Xây dựng hoàn thành dự án cảng cá và khu dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ bằng nguồn vốn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đề nghị Trung ương tiếp tục bố trí vốn để thực hiện hoàn thành dự án Vũng neo đậu tàu thuyền và Dịch vụ hậu cần đảo Lý Sơn (giai đoạn 2). Tập trung hoàn thành dự án đê kè Hòa Hà, đê kè Đức Lợi. Hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục các dự án xây dựng khác đề nghị Trung ương hỗ trợ vốn đầu tư và vận động vốn ODA như cảng cá Lý Sơn, Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á, Khu neo đậu tránh, trú bão Sa Huỳnh.

Đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ ven biển và đảo Lý Sơn bằng nguồn vốn ngân sách, vốn ODA.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có, hoàn thành các hồ chứa nước lớn để cùng Hồ chứa nước Nước Trong hoàn chỉnh hệ thống nguồn tưới và cắt lũ cơ bản; triển khai công trình thủy lợi hồ Chóp Vung.

Đầu tư nâng cấp Khu neo trú tàu thuyền Sa Cần, Khu neo tránh trú bão Sa Kỳ - Cổ Lũy, chủ yếu là vận động vốn ODA và đề nghị Trung ương hỗ trợ.

Củng cố và nâng cấp hệ thống đê cửa sông và biển, triển khai xây dựng đê biển (chương trình đê biển Quảng Ngãi - Kiên Giang) kết hợp với giao thông ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; đầu tư xây dựng đê kè Tịnh Kỳ; tiếp tục đầu tư dự án đê biển Lý Sơn; triển khai dự án đập dâng sông Trà Khúc; chỉnh trị các dòng sông và cửa sông: Trà Bồng, Trà Khúc, Trà Câu, Cửa Lờ, Cửa Đại... Tất cả các vùng xung yếu, có nguy cơ sạt lở đều được gia cố, bảo đảm an toàn trong mùa mưa lũ.

5. Về phát triển hạ tầng cung cấp điện

- Giai đoạn 2013 - 2015:

Kiểm tra đôn đốc, hỗ trợ chủ đầu tư, phân đấu hoàn thành đưa vào vận hành 5 nhà máy thủy điện với tổng công suất khoảng 175MW, gồm: Thủy điện Nước Trong (16,5MW), Thủy điện Đakdrinh (125MW), Thủy điện Huy Mãng (1,8MW), Thủy điện Đakdrinh 2 (12MW), Thủy điện Sơn Tây (18MW).

Phối hợp với ngành điện triển khai thực hiện dự án điện cấp ngầm cấp điện cho Lý Sơn. Tiếp tục đề nghị Trung ương hỗ trợ vốn thực hiện giai đoạn I dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi cho 4.000 hộ. Thực hiện đầu tư mới, mở rộng các dự án lưới điện truyền tải, phân phối: Xây dựng mới đường dây 220kV Dốc Sỏi – Sơn Hà, xây dựng mới TBA 110kV Quảng Phú, mở rộng cải tạo TBA Mộ Đức, Tịnh Phong, Núi Bút ... Kêu gọi đầu tư 1-2 dự án năng lượng tái tạo (địa nhiệt, gió ...). hỗ trợ Tập đoàn Sempcorp thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư nhà máy nhiệt điện Dung Quất..

- *Giai đoạn 2016 - 2020:*

Kiểm tra đôn đốc, hỗ trợ chủ đầu tư phân đầu hoàn thành đưa vào vận hành 4 nhà máy thủy điện với công suất khoảng 157MW, gồm: Thủy điện Sơn Trà 1 (42MW), Thủy điện Trà Khúc 1 (36MW), Thủy điện Đakba (19,5MW), Thủy điện Đakre (60MW). Tiếp tục thực hiện dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2 và 3 cho 3.000 hộ. Tiếp tục đầu tư mới, mở rộng các dự án lưới điện truyền tải, phân phối: Xây dựng mới TBA 220kV Sơn Hà; xây dựng mới TBA 110kV Sơn Hà, Ba Tư, Trà Bồng; mở rộng cải tạo TBA 500kV, 220kV, 110kV hiện có. Kêu gọi đầu tư 2-3 dự án năng lượng tái tạo. Xúc tiến đầu tư dự án Nhà máy điện tua bin khí hỗn hợp (1200MW). Phối hợp, hỗ trợ thực hiện dự án nhà máy nhiệt điện Dung Quất

6. Về phát triển hạ tầng thương mại

- *Giai đoạn 2013 - 2015:*

Khẩn trương xây dựng lại chợ Trung tâm Quảng Ngãi. Triển khai xây dựng chợ đầu mối nông sản thành phố Quảng Ngãi (tại Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi), chợ Đức Phổ, một số chợ trung tâm ở các huyện; nâng cấp 53 chợ tranh tre nứa lá thành chợ bán kiên cố. Nguồn vốn đầu tư xây dựng chợ chủ yếu là vốn doanh nghiệp, vốn huy động ki ốt và đề nghị Bộ Công Thương hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương để thực hiện đầu tư xây dựng chợ nông thôn theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 01/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- *Giai đoạn 2016 - 2020:*

Quy hoạch, xây dựng mới chợ nông sản tổng hợp Sơn Tịnh; các siêu thị kinh doanh tổng hợp tại thành phố Quảng Ngãi và xây dựng các siêu thị trung tâm mua sắm trong Khu kinh tế Dung Quất, Dốc Sỏi, Đức Phổ. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống chợ nông thôn tiến tới xóa các chợ tạm vào năm 2020, góp phần xây dựng nông thôn mới. Hình thành khu thương mại gắn với khu du lịch.

Xây dựng 2 khu vực kho bãi xuất, nhập hàng hóa tại khu vực cảng Sa Kỳ, cảng Dung Quất và 1 đến 2 khu vực kho bãi phục vụ lưu thông hàng hóa nội địa tại ngoại vi thành phố Quảng Ngãi và thành phố Vạn Tường...

7. Về phát triển hạ tầng thông tin

- *Giai đoạn 2013 - 2015:* Triển khai thực hiện các dự án đầu tư bằng nguồn vốn của doanh nghiệp, Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và vốn ngân sách nhà nước như:

+ Hạ tầng bưu chính, viễn thông, internet

Xây dựng hạ tầng băng thông rộng đến xã, thôn bằng những phương thức công nghệ hiện đại (cáp quang, vệ tinh, vô tuyến băng rộng) do doanh nghiệp viễn thông thực hiện, đến năm 2015 đạt 100% xã và 15% thôn có đường truyền dẫn, điểm kết nối băng rộng đa dịch vụ.

Đầu tư nâng cấp, củng cố mạng lưới bưu chính công cộng, tập trung là hệ thống điểm Bưu điện văn hóa xã bằng nguồn vốn doanh nghiệp và huy động vốn từ các chương trình tài trợ.

Hoàn thành dự án Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh; chỉnh trang lại các tuyến cáp, lập các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng dùng chung (cống, bể cáp, cột ăng ten) tại khu vực đô thị, thị trấn, thị tứ, khu Kinh tế Qung Quát, các khu công nghiệp bằng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Xây dựng các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu lớn, đồng bộ, thống nhất chung cho toàn tỉnh:

Phê duyệt phương án đưa các ứng dụng viễn thông - công nghệ thông tin vào sử dụng mạng TSL chuyên dùng. Bổ sung, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối của mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước đã được Trung ương đầu tư tại 65 điểm kết nối (Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, Trường Đại học Phạm Văn Đồng...). Thực hiện hoàn thành dự án xây dựng 12 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên cổng thông tin điện tử bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh.

+ Phát triển hạ tầng phát thanh, truyền hình: Giai đoạn 2013-2015, đa dạng hóa các loại hình truyền hình chất lượng cao thông qua việc cung cấp dịch vụ truyền hình bằng hình thức xã hội hóa. Đồng thời đầu tư mới và nâng cấp hệ thống đài truyền thanh và phát lại truyền hình của các huyện miền núi và đảo Lý Sơn với công suất cao hơn để xóa vùng lõm tại các huyện miền núi và hải đảo, nâng cao chất lượng truyền hình.

- *Giai đoạn 2016 - 2020:*

Tiếp tục xây dựng hạ tầng băng thông rộng đến thôn. Đầu tư mới điểm Bưu điện Văn hóa xã, đến năm 2020 có 100% xã có điểm Bưu điện Văn hóa xã cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Tiếp tục chỉnh trang, ngầm hóa các tuyến cáp; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng dùng chung. Đến năm 2020, hầu hết các ứng dụng viễn thông, công nghệ thông tin được triển khai trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT; đảm bảo xây dựng mạng máy tính và kết nối internet cho 100% UBND cấp xã. Tiếp tục đầu tư để đưa vào khai thác có hiệu quả hệ thống phục vụ tác nghiệp hành chính; hệ thống một cửa điện tử, một cửa liên thông đến cấp xã để cung cấp dịch vụ công cho tổ chức và công dân. Xây dựng hạ tầng, hình thành khu công nghiệp Công nghệ thông tin tập trung phục vụ phát triển kinh tế, trọng tâm là dịch vụ CNTT phục vụ lọc-hóa dầu. Đầu tư xây dựng hệ thống mạng Internet không dây (Wifi) tại thành phố Quảng Ngãi, Khu Đô thị Vạn Tường và thị xã Đức Phổ.

Đầu tư mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng truyền dẫn, sản xuất, phát sóng truyền hình đảm bảo đến năm 2018 Quảng Ngãi hoàn thành thực hiện phát sóng truyền hình số mặt đất. Trang bị đầu thu truyền hình số mặt đất cho các hộ nghèo của tỉnh. Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới hệ thống truyền thanh

cơ sở (truyền thanh xã), đến năm 2020, 100% xã, phường có hệ thống truyền thanh hoạt động ở băng tần (54-68)Mhz phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

8. Về phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ

- Giai đoạn 2013 - 2015:

+ Hạ tầng giáo dục – đào tạo: Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất trường mầm non, phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn có trường, lớp mầm non và 100% xã, phường, thị trấn có trường tiểu học. Có 25% số trường mầm non, 65% số trường tiểu học, 55% số trường trung học cơ sở và 48% số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Các huyện miền núi đều có trường THCS dân tộc nội trú; huy động nguồn lực xã hội xây dựng phòng bán trú cho học sinh ở các trường phổ thông và xây dựng nhà công vụ cho giáo viên ở các xã miền núi; xây dựng, nâng cấp Trường dân tộc nội trú đạt chuẩn quốc gia.

Hoàn thành đưa vào sử dụng cơ sở vật chất trường Đại học Phạm Văn Đồng (giai đoạn I); đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi; triển khai thực hiện Đề án xây dựng, phát triển Trường THPT Chuyên Lê Khiết, Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi.

+ Hạ tầng khoa học công nghệ

Xây dựng Đề án phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. Thực hiện hoàn thành dự án Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp. Triển khai các dự án như xây dựng Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, xây dựng Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bình Hòa, Cụm kinh tế trang trại kỹ thuật cao và kinh tế hộ tại xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn. Đầu tư các phòng thử nghiệm, thí nghiệm như phòng thử nghiệm chuyên ngành phục vụ kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm; phòng thử nghiệm chuyên ngành phục vụ kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng thí nghiệm cơ điện tử (Đại học Phạm Văn Đồng); phòng thử nghiệm chuyên ngành phục vụ kiểm tra, giám sát chất lượng nông - lâm - thủy sản. Đầu tư xây dựng trạm kiểm tra chất lượng hàng hoá phục vụ thông quan tại Khu Kinh tế Dung Quất. Các dự án này được đầu tư bằng vốn ngân sách tỉnh và vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

+ Hạ tầng giáo dục – đào tạo: Phấn đấu có 32-35% số trường mầm non; 70% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; 65 - 70% số trường trung học cơ sở; 55% số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật Trung tâm đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất; nâng cấp Trường Trung cấp Y tế thành Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm, Trường Trung cấp nghề Đức Phổ và Trường Trung cấp nghề Quảng Ngãi thành Trường Cao đẳng nghề.

+ Hạ tầng khoa học công nghệ

Tiếp tục đầu tư hoàn thành các phòng thí nghiệm, thử nghiệm, đồng thời xây dựng thêm các phòng thử nghiệm chuyên ngành phục vụ nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao. Triển khai xây dựng các dự án đầu tư như: Đầu tư xây dựng Trung tâm giao dịch công nghệ và thiết bị Quảng Ngãi; Đầu tư bổ sung cơ sở vật chất cho trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học; Đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cho các Trung tâm nghiên cứu triển khai trong lĩnh vực nông, lâm - thủy sản. Hỗ trợ đầu tư phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh. Hạ tầng về khoa học và công nghệ của tỉnh được đầu tư phát triển đồng bộ theo hướng hiện đại nhằm nâng cao năng lực, trình độ nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trên địa bàn tỉnh.

9. Về phát triển hạ tầng y tế

- Giai đoạn 2013 - 2015:

Từng bước đầu tư mạng y tế dự phòng, trung tâm y tế xã, phường và bệnh viện đa khoa tuyến huyện; triển khai xây dựng Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh. Đối với dự án Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh, trước mắt sửa chữa bệnh viện đa khoa tỉnh cũ để sử dụng. Hoàn chỉnh các thủ tục để thực hiện dự án Trung tâm Nội Tiết, Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, Khoa ung bướu Bệnh viện đa khoa tỉnh. Đây là các dự án rất quan trọng, vốn đầu tư lớn, vì vậy phải tiếp tục đề nghị Trung ương hỗ trợ vốn để thực hiện, tích cực vận động các chương trình, dự án ODA. Đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng y tế, khuyến khích đầu tư thành lập các bệnh viện tư và các cơ sở y tế ngoài công lập.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng y tế, khuyến khích đầu tư thành lập các bệnh viện tư nhân và các cơ sở y tế ngoài công lập khác. Xây dựng Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng tỉnh, Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và Môi trường, Trung tâm phòng chống sốt rét, Trung tâm giám định y khoa; nâng cấp và mở rộng Trung tâm: Mắt, Nội tiết thành bệnh viện với quy mô 50 giường bệnh.

10. Về phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch

- Giai đoạn 2013 - 2015:

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng hoạt động của Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh, Trung tâm văn hóa thể thao các huyện, thành phố, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa thông tin.

Triển khai xây dựng và hoàn thành dự án Trường năng khiếu thể dục thể thao tỉnh đưa vào sử dụng, đồng thời khuyến khích thành lập các cơ sở luyện tập và thi đấu thể thao ngoài công lập. Triển khai thủ tục đầu tư Khu liên hợp thể thao của tỉnh.

Hoàn thành đưa vào sử dụng dự án Bảo tồn tôn tạo Khu di tích Sa Huỳnh. Hoàn chỉnh thủ tục và tranh thủ nguồn vốn của Trung ương để đầu tư

xây dựng Bảo tàng lịch sử Hoàng Sa – Trường Sa tại đảo Lý Sơn, xây dựng Khu lưu niệm Bác Phạm Văn Đồng (giai đoạn 2).

Đầu tư hoàn thiện các tuyến đường trục chính Khu du lịch Mỹ Khê, Sa Huỳnh bằng nguồn vốn hạ tầng du lịch và vốn ngân sách tỉnh; tôn tạo các di tích lịch sử liên quan đến Hoàng Sa - Trường Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa ở huyện đảo Lý Sơn, thu hút đầu tư vào khu du lịch Thiên Đường, Cà Đam - Nước Trong.

- Giai đoạn 2016 - 2020

Triển khai xây dựng Sân vận động, Khu liên hợp thể thao của tỉnh theo quy hoạch được duyệt và Trung tâm văn hóa đa năng của tỉnh.

Tiếp tục đầu tư và thu hút đầu tư các khu du lịch Sa Huỳnh, Khu du lịch Thiên Đường, Cà Đam - Nước Trong, Đặng Thùy Trâm, khu du lịch văn hóa Thiên Ân; đầu tư tôn tạo, khai thác di tích Trường Lũy và các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh.

C. Tổ chức thực hiện

1. Về công tác quy hoạch

Các sở ngành, UBND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện hoàn thành các dự án quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của tỉnh đã được giao kế hoạch như quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo, quy hoạch phát triển ngành thương mại, quy hoạch phát triển ngành văn hóa, quy hoạch phát triển du lịch, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển thủy lợi...; hoàn tất cơ bản việc lập, phê duyệt quy hoạch chung cho các đô thị, đặc biệt là quy hoạch chung toàn huyện Đức Phổ, quy hoạch thị trấn mới huyện Sơn Tịnh, quy hoạch chung các trung tâm huyện lỵ và đô thị mới, điều chỉnh quy hoạch phân khu trung tâm thành phố Quảng Ngãi. Các dự án quy hoạch này phải được phê duyệt chậm nhất trong năm 2013. Đồng thời rà soát toàn bộ theo từng ngành và địa bàn lập các dự án quy hoạch mới cần thiết và điều chỉnh bổ sung quy hoạch cũ đã không còn phù hợp. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy hoạch thuộc phạm vi quản lý. Nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng, lựa chọn tư vấn quy hoạch xây dựng đủ năng lực và kinh nghiệm. Các đơn vị được giao làm chủ đầu tư quy hoạch phải chịu trách nhiệm về chất lượng quy hoạch, tổ chức công bố và thực hiện quy hoạch có hiệu quả, làm cơ sở cho việc lập dự án đầu tư hạ tầng đồng bộ.

Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh cân đối vốn sự nghiệp đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quy hoạch. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp rà soát các dự án quy hoạch cần phải thực hiện để phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ báo cáo UBND tỉnh quyết định, đồng thời theo dõi báo cáo tổng hợp về kết quả thực hiện các dự án quy hoạch này.

2. Lập kế hoạch đầu tư và huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

2.1. Nhiệm vụ của các sở, cơ quan quản lý chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố:

Trên cơ sở kế hoạch này, quy hoạch được phê duyệt, kết hợp thực hiện cơ cấu đầu tư theo 3 khâu đột phá và 02 nhiệm vụ trọng tâm của Tỉnh ủy, các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố lập danh mục đầu tư hàng năm và 5 năm, quản lý tổ chức thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu sau:

- Lập danh mục đầu tư không dàn trải, phù hợp với khả năng cân đối vốn, đảm bảo giải ngân và quản lý vốn hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất với UBND tỉnh cho chủ trương khảo sát, lập các dự án cơ hội, danh mục công trình kêu gọi. Tăng cường vận động nguồn vốn để đầu tư hạ tầng như vốn ODA, tranh thủ vốn của các Bộ chủ quản, vốn hỗ trợ có mục tiêu ngân sách Trung ương, đề xuất dự án đầu tư bằng nguồn hình thức BT, BOT, PPP.

- Tích cực thu hút, vận động đồng thời kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư các lĩnh vực như hạ tầng điện, cấp nước, hạ tầng công nghệ thông tin, y tế, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ. Tích cực huy động đóng góp của nhân dân vùng hưởng lợi tham gia vào dự án đầu tư thuộc lĩnh vực kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, hạ tầng chợ... để huy động lực lượng của toàn xã hội tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng.

- Tổ chức thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình đúng quy định của nhà nước, đảm bảo đúng tiến độ, nhằm sớm đưa vào khai thác, sử dụng để phát huy hiệu quả đầu tư.

- Triển khai thực hiện, vận dụng phù hợp các cơ chế chính sách mới của Trung ương về thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng để phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng bảo đảm quyền lợi của người bị thu hồi đất, rút ngắn thời gian, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, đặc biệt là công trình trọng điểm.

- Tổ chức quản lý, duy tu sửa chữa thường xuyên sau khi công trình đưa vào sử dụng nhằm duy trì chất lượng của công trình và phát huy hiệu quả trong quá trình khai thác.

2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cân đối vốn đầu tư để thực hiện các dự án, đề xuất cơ chế huy động, thu hút các nguồn vốn tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Chủ trì tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn, dài hạn thay cho kế hoạch phân bổ vốn đầu tư hàng năm. Lựa chọn một số công trình quan trọng có sức lan tỏa, tạo sự đột phá lớn để tập trung đầu tư, nhất là các công trình có tác dụng thúc đẩy thực hiện 3 nhiệm vụ đột phá và 2 nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và 5 Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy. Thẩm định trình UBND tỉnh chủ trương đầu tư và dự án đầu tư đúng quy định, đảm bảo về hiệu quả dự án đầu tư. Phối hợp với các đơn vị liên quan thu hút mạnh và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, đẩy mạnh vận động các đối tác, các nhà tài trợ tiếp tục cung cấp ODA

để phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình lớn; ưu tiên bố trí vốn đối ứng và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, hoàn thành các dự án.

2.3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cân đối vốn đầu tư phát triển hạ tầng bằng các nguồn vốn, trong đó có vốn từ quỹ đất. Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách; cải cách mạnh cơ cấu chi ngân sách địa phương theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển. Đồng thời tham mưu bố trí kinh phí chi thường xuyên cho công tác duy tu, bảo dưỡng công trình.

3. Về cơ chế, chính sách

3.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tổ chức triển khai quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình đã được ban hành đến các đơn vị chủ đầu tư, thực hiện nghiêm túc nhằm kiểm soát chặt chẽ từ khâu cho chủ trương đầu tư đến thực hiện đầu tư, quyết toán công trình. Phối hợp với các Sở ngành liên quan hoàn chỉnh Chính sách hỗ trợ đầu tư vào tỉnh Quảng Ngãi lồng ghép với chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân lao động tại Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp của tỉnh, nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Các sở ngành liên quan khác tổ chức thực hiện tốt các cơ chế chính sách liên quan đến phát triển hạ tầng đồng bộ theo kế hoạch này, đồng thời hoàn chỉnh, tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế chính sách mới như:

- Sở Khoa học và Công nghệ: Triển khai thực hiện Đề án phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 khi đã được ban hành.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành quy chế Quản lý, vận hành, khai thác mạng TSL chuyên dùng.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu UBND tỉnh Cơ chế tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất chủ trì tham mưu UBND tỉnh xây dựng Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư và phát triển Khu đô thị mới Vạn Tường.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện quy chế quản lý thực hiện đề án kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2012 – 2015.

- Sở Xây dựng: Chủ trì tham mưu UBND tỉnh phê duyệt quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc thành phố Quảng Ngãi góp phần nâng cao hiệu quả quản lý quy hoạch - kiến trúc thành phố Quảng Ngãi theo đúng quy hoạch chung được duyệt. Hướng dẫn UBND các huyện tổ chức lập, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch cho các đô thị trên địa bàn.

3.3 UBND các huyện, thành phố thực hiện nghiêm túc các cơ chế chính sách do UBND tỉnh ban hành nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm thực hiện tốt chức năng chủ đầu tư, quản lý sử dụng đối với dự án dự án đầu tư phát triển nói chung và đầu tư kết cấu hạ tầng nói riêng.

4. Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra đôn đốc thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU và kế hoạch này. Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi bổ sung, các sở ngành, địa phương chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
HỦ TỊCH



Cao Khoa